

PHỤ LỤC 01

BẢNG GIÁ DANH MỤC KỸ THUẬT THỰC HIỆN BẢO HIỂM Y TẾ TẠI PHÒNG KHÁM

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày .. tháng .. năm 2025)

ĐVT: đồng

STT	MA_DICH_V	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
1	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	3	101.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
2	01.0218.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	2	152.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
3	02.0095.1798	Holter điện tâm đồ	Holter điện tâm đồ		215.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
4	02.0096.1798	Holter huyết áp	Holter huyết áp		215.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
5	02.0188.0210	Đặt sonde bàng quang	Đặt sonde bàng quang	3	101.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
6	02.0256.0139	Nội soi trực tràng ống mềm	Nội soi trực tràng ống mềm	3	215.200		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
7	02.0272.2044	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	2	317.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
8	02.03.1899	Khám Nội tổng hợp	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
9	02.0338.0211	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	3	92.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
10	02.0339.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	3	92.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
11	02.0349.0112	Hút dịch khớp gối	Hút dịch khớp gối	3	129.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
12	02.0350.0113	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	2	144.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
13	02.0352.0113	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	2	144.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
14	02.0353.0112	Hút dịch khớp khuỷu	Hút dịch khớp khuỷu	3	129.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
15	02.0354.0113	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	2	144.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
16	02.0355.0112	Hút dịch khớp cổ chân	Hút dịch khớp cổ chân	3	129.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Quy trình	Từ ngày
17	02.0356.0113	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	2	144.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
18	02.0357.0112	Hút dịch khớp cổ tay	Hút dịch khớp cổ tay	3	129.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
19	02.0358.0113	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	2	144.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
20	02.0359.0112	Hút dịch khớp vai	Hút dịch khớp vai	3	129.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
21	02.0360.0113	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	2	144.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
22	02.0361.0112	Hút nang bao hoạt dịch	Hút nang bao hoạt dịch	3	129.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
23	02.0362.0113	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	2	144.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
24	02.0381.0213	Tiêm khớp gối	Tiêm khớp gối	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
25	02.0383.0213	Tiêm khớp cổ chân	Tiêm khớp cổ chân	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
26	02.0384.0213	Tiêm khớp bàn ngón chân	Tiêm khớp bàn ngón chân	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
27	02.0385.0213	Tiêm khớp cổ tay	Tiêm khớp cổ tay	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
28	02.0386.0213	Tiêm khớp bàn ngón tay	Tiêm khớp bàn ngón tay	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
29	02.0387.0213	Tiêm khớp đối ngón tay	Tiêm khớp đối ngón tay	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
30	02.0388.0213	Tiêm khớp khuỷu tay	Tiêm khớp khuỷu tay	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
31	02.0389.0213	Tiêm khớp vai	Tiêm khớp vai	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
32	02.0390.0213	Tiêm khớp ức đòn	Tiêm khớp ức đòn	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
33	02.0392.0213	Tiêm khớp đòn- cùng vai	Tiêm khớp đòn - cùng vai	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
34	02.0396.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
35	02.0397.0213	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
36	02.0398.0213	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
37	02.0399.0213	Tiêm hội chứng DeQuervain	Tiêm hội chứng DeQuervain	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
38	02.0400.0213	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
39	02.0401.0213	Tiêm gân gấp ngón tay	Tiêm gân gấp ngón tay	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
40	02.0402.0213	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
41	02.0403.0213	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
42	02.0404.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
43	02.0405.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm trám quay (trám trụ)	Tiêm điểm bám gân mỏm trám quay (trám trụ)	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
44	02.0406.0213	Tiêm gân gót	Tiêm gân gót	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
45	02.0407.0213	Tiêm cân gan chân	Tiêm cân gan chân	3	104.400	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
46	02.0411.0214	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
47	02.0413.0214	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
48	02.0415.0214	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
49	02.0416.0214	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
50	02.0418.0214	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
51	02.0419.0214	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
52	02.0420.0214	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
53	02.0422.0214	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm khớp đòn - cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
54	02.0424.0214	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Quy trình	Từ ngày
55	02.0425.0214	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
56	02.0426.0214	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
57	02.0427.0214	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
58	02.0428.0214	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
59	02.0429.0214	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	2	148.700	Chưa bao gồm thuốc tiêm.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
60	02.0612.1794	Đo FeNO	Đo FeNO	1	440.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
61	02.0613.1796	Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)	Đo phế dung kế - Spirometry (FVC, SVC, TLC)	1	806.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
62	02.0614.1796	Đo dung tích sống gắng sức - FVC	Đo dung tích sống gắng sức - FVC	3	806.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
63	02.14.1899	Khám Thận kinh	Giả khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
64	03.0041.0004	Siêu âm tìm cấp cứu tại giường	Siêu âm tìm cấp cứu tại giường	3	252.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
65	03.0274.0238	Kéo nắn cột sống cổ	Kéo nắn cột sống cổ	2	54.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
66	03.0275.0238	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Kéo nắn cột sống thắt lưng	2	54.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
67	03.0351.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
68	03.0352.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
69	03.0359.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
70	03.0361.0230	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
71	03.0367.0230	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
72	03.0375.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
73	03.0376.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

2

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
93	03.0515.0230	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
94	03.0516.0230	Điện châm điều trị đau răng	Điện châm điều trị đau răng	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
95	03.0518.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
96	03.0521.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
97	03.0533.0271	Thủy châm điều trị liệt chi trên	Thủy châm điều trị liệt chi trên		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
98	03.0544.0271	Thủy châm điều trị khàn tiếng	Thủy châm điều trị khàn tiếng		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
99	03.0547.0271	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
100	03.0549.0271	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
101	03.0550.0271	Thủy châm điều trị mất ngủ	Thủy châm điều trị mất ngủ		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
102	03.0556.0271	Thủy châm điều trị sụp mí	Thủy châm điều trị sụp mí		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
103	03.0558.0271	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giải đoạn cấp	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giải đoạn cấp		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
104	03.0560.0271	Thủy châm điều trị giảm thị lực	Thủy châm điều trị giảm thị lực		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
105	03.0561.0271	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
106	03.0562.0271	Thủy châm điều trị giảm thính lực	Thủy châm điều trị giảm thính lực		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
107	03.0566.0271	Thủy châm điều trị hen phế quản	Thủy châm điều trị hen phế quản		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
108	03.0568.0271	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	Thủy châm điều trị huyết áp thấp		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
109	03.0572.0271	Thủy châm điều trị trị	Thủy châm điều trị trị		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
110	03.0573.0271	Thủy châm điều trị sa dâ dâ	Thủy châm điều trị sa dâ dâ		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
111	03.0580.0271	Thủy châm điều trị đau lưng	Thủy châm điều trị đau lưng		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

2

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
112	03.0582.0271	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
113	03.0585.0271	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
114	03.0590.0271	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
115	03.0592.0271	Thủy châm điều trị đái dầm	Thủy châm điều trị đái dầm		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
116	03.0601.0271	Thủy châm điều trị đau răng	Thủy châm điều trị đau răng		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
117	03.0604.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
118	03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
119	03.0608.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
120	03.0610.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
121	03.0611.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
122	03.0614.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
123	03.0615.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khúu giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khúu giác	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
124	03.0616.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
125	03.0621.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
126	03.0622.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
127	03.0624.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
128	03.0625.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
129	03.0628.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
130	03.0629.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
131	03.0630.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
132	03.0631.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
133	03.0632.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
134	03.0634.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
135	03.0635.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
136	03.0636.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
137	03.0637.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
138	03.0638.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
139	03.0642.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
140	03.0646.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
141	03.0648.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
142	03.0651.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
143	03.0654.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
144	03.0657.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
145	03.0658.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa		76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
146	03.0661.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
147	03.0665.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
148	03.0666.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
149	03.0668.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị dai dảm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị dai dảm	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
150	03.0671.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
151	03.0675.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
152	03.0676.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn		37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
153	03.0678.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
154	03.0679.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
155	03.0680.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
156	03.0685.0228	Cứu điều trị giảm khứ giác thể hàn	Cứu điều trị giảm khứ giác thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
157	03.0686.0228	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
158	03.0688.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
159	03.0689.0228	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
160	03.0692.0228	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
161	03.0693.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
162	03.0694.0228	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Cứu điều trị bí đái thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
163	03.0695.0228	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
164	03.0696.0228	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
165	03.0772.0231	Điều trị bằng điện phân thuốc	Điều trị bằng điện phân thuốc	3	48.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
166	03.0773.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	Điều trị bằng các dòng điện xung	3	44.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
167	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại		40.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
168	03.0892.0266	Tập vận động đoạn chi 30 phút	Tập vận động đoạn chi 30 phút	3	51.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
169	03.0894.0267	Tập vận động toàn thân 30 phút	Tập vận động toàn thân 30 phút	3	59.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
170	03.0901.0261	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi		14.700		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
171	03.0902.0269	Tập với hệ thống ròng rọc	Tập với hệ thống ròng rọc		14.700		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
172	03.0903.0270	Tập với xe đạp tập	Tập với xe đạp tập		14.700		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
173	03.1071.0139	Soi trực tràng	Soi trực tràng	3	215.200		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
174	03.1694.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	3	40.900		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
175	03.1700.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	2	60.000		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
176	03.18.1899	Khám Nhi	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
177	05.1899	Khám Da liễu	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
178	08.0162.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
179	08.0166.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
180	08.0167.0230	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
181	08.0168.0230	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
182	08.0169.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu		78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
183	08.0171.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
184	08.0172.0230	Điện nhĩ châm điều trị nôn	Điện nhĩ châm điều trị nôn	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
185	08.0173.0230	Điện nhĩ châm điều trị nấc	Điện nhĩ châm điều trị nấc	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
186	08.0174.0230	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
187	08.0177.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	2	78.300		399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
188	08.0178.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
189	08.0184.0230	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
190	08.0185.0230	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
191	08.0186.0230	Điện nhĩ châm điều trị tiểu	Điện nhĩ châm điều trị tiểu	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
192	08.0187.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
193	08.0188.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
194	08.0189.0230	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
195	08.0190.0230	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
196	08.0191.0230	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
197	08.0192.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
198	08.0193.0230	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
199	08.0194.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
200	08.0195.0230	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
201	08.0196.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
202	08.0198.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
203	08.0201.0230	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
204	08.0202.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
205	08.0203.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
206	08.0208.0230	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
207	08.0209.0230	Điện nhĩ chàm điều trị viêm mũi xoang	Điện nhĩ chàm điều trị viêm mũi xoang	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
208	08.0212.0230	Điện nhĩ chàm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện nhĩ chàm điều trị rối loạn tiêu hóa	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
209	08.0215.0230	Điện nhĩ chàm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện nhĩ chàm điều trị viêm khớp dạng thấp	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
210	08.0216.0230	Điện nhĩ chàm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện nhĩ chàm điều trị viêm quanh khớp vai	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
211	08.0217.0230	Điện nhĩ chàm điều trị đau do thoái hóa khớp	Điện nhĩ chàm điều trị đau do thoái hóa khớp	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
212	08.0219.0230	Điện nhĩ chàm điều trị ù tai	Điện nhĩ chàm điều trị ù tai	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
213	08.0221.0230	Điện nhĩ chàm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	Điện nhĩ chàm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
214	08.0222.0230	Điện nhĩ chàm điều trị rối loạn cảm giác nông	Điện nhĩ chàm điều trị rối loạn cảm giác nông	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
215	08.0224.0230	Điện nhĩ chàm điều trị giảm đau do ung thư	Điện nhĩ chàm điều trị giảm đau do ung thư	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
216	08.0225.0230	Điện nhĩ chàm điều trị giảm đau do Zona	Điện nhĩ chàm điều trị giảm đau do zona	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
217	08.0226.0230	Điện nhĩ chàm điều trị viêm da rễ, da dây thần kinh	Điện nhĩ chàm điều trị viêm da rễ, da dây thần kinh	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
218	08.0227.0230	Điện nhĩ chàm điều trị chứng tic cơ mặt	Điện nhĩ chàm điều trị chứng tic cơ mặt	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
219	08.0280.0230	Điện chàm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Điện chàm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
220	08.0281.0230	Điện chàm điều trị hội chứng stress	Điện chàm điều trị hội chứng stress		78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
221	08.0282.0230	Điện chàm điều trị cảm mạo	Điện chàm điều trị cảm mạo	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
222	08.0283.0230	Điện chàm điều trị viêm amidan	Điện chàm điều trị viêm Amidan	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
223	08.0287.0230	Điện chàm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Điện chàm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
224	08.0291.0230	Điện chàm điều trị viêm bàng quang	Điện chàm điều trị viêm bàng quang	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
225	08.0292.0230	Điện chàm điều trị rối loạn tiểu tiện	Điện chàm điều trị rối loạn tiểu tiện	2	78.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
226	08.0293.0230	Điện châm điều trị trị bí đái cơ năng	Điện châm điều trị trị bí đái cơ năng	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
227	08.0294.0230	Điện châm điều trị trị sa tử cung	Điện châm điều trị trị sa tử cung	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
228	08.0295.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
229	08.0296.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
230	08.0297.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
231	08.0303.0230	Điện châm điều trị đau hố mắt	Điện châm điều trị đau hố mắt	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
232	08.0306.0230	Điện châm điều trị lác cơ năng	Điện châm điều trị lác cơ năng	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
233	08.0307.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
234	08.0311.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa				399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
235	08.0313.0230	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
236	08.0314.0230	Điện châm điều trị ù tai	Điện châm điều trị ù tai	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
237	08.0316.0230	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh		78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
238	08.0319.0230	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Điện châm điều trị giảm đau do zona	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
239	08.0320.0230	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
240	08.0321.0230	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	2	78.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
241	08.0322.0271	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
242	08.0325.0271	Thủy châm điều trị hội chứng stress	Thủy châm điều trị hội chứng stress		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
243	08.0326.0271	Thủy châm điều trị nấc	Thủy châm điều trị nấc		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
244	08.0327.0271	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
245	08.0328.0271	Thủy châm điều trị viêm amydan	Thủy châm điều trị viêm amydan		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
246	08.0330.0271	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
247	08.0331.0271	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
248	08.0334.0271	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
249	08.0335.0271	Thủy châm điều trị mày đay	Thủy châm điều trị mày đay		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
250	08.0336.0271	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
251	08.0337.0271	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
252	08.0345.0271	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
253	08.0346.0271	Thủy châm điều trị sa tử cung	Thủy châm điều trị sa tử cung		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
254	08.0347.0271	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
255	08.0348.0271	Thủy châm điều trị thống kinh	Thủy châm điều trị thống kinh		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
256	08.0349.0271	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
257	08.0352.0271	Thủy châm điều trị đau vai gáy	Thủy châm điều trị đau vai gáy		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
258	08.0355.0271	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
259	08.0356.0271	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
260	08.0357.0271	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
261	08.0358.0271	Thủy châm điều trị thất vận ngón	Thủy châm điều trị thất vận ngón		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
262	08.0359.0271	Thủy châm điều trị đau dây V	Thủy châm điều trị đau dây V		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
263	08.0360.0271	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HDND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
264	08.0361.0271	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
265	08.0366.0271	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
266	08.0371.0271	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
267	08.0374.0271	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
268	08.0375.0271	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
269	08.0376.0271	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
270	08.0380.0271	Thủy châm điều trị đau hố mắt	Thủy châm điều trị đau hố mắt		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
271	08.0382.0271	Thủy châm điều trị lác cơ năng	Thủy châm điều trị lác cơ năng		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
272	08.0384.0271	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	Thủy châm điều trị viêm bàng quang		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
273	08.0385.0271	Thủy châm điều trị di tinh	Thủy châm điều trị di tinh		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
274	08.0386.0271	Thủy châm điều trị liệt dương	Thủy châm điều trị liệt dương		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
275	08.0387.0271	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
276	08.0388.0271	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng		77.100	Chưa bao gồm thuốc.	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
277	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
278	08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thất lưng-hông	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thất lưng-hông	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
279	08.0398.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
280	08.0410.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
281	08.0411.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
282	08.0417.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
283	08.0423.0280	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
284	08.0424.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
285	08.0426.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
286	08.0427.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nắc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nắc		76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
287	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp		76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
288	08.0431.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
289	08.0433.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mắt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mắt	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
290	08.0435.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
291	08.0436.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt		76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
292	08.0437.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
293	08.0438.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
294	08.0441.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nóng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nóng	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
295	08.0442.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bi đái cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bi đái cơ năng	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
296	08.0444.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
297	08.0445.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
298	08.0446.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
299	08.0450.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	2	76.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
300	08.0451.0228	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
301	08.0453.0228	Cứu điều trị nắc thể hàn	Cứu điều trị nắc thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
302	08.0460.0228	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
303	08.0462.0228	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
304	08.0463.0228	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
305	08.0464.0228	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
306	08.0465.0228	Cứu điều trị đi tinh thể hàn	Cứu điều trị đi tinh thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
307	08.0466.0228	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
308	08.0467.0228	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
309	08.0469.0228	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
310	08.0470.0228	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
311	08.0471.0228	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	3	37.000		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
312	08.0479.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	3	36.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
313	08.0480.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	3	36.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
314	08.0481.0235	Giác hơi điều trị các chứng đau	Giác hơi điều trị các chứng đau	3	36.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
315	08.0482.0235	Giác hơi điều trị cảm cúm	Giác hơi điều trị cảm cúm	3	36.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
316	08.1899	Khám YHCT	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
317	10.19.1899	Khám Ngoại tổng hợp	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
318	10.24.1899	Khám Chẩn thương chỉnh hình	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
319	13.27.1899	Khám Phụ sản	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
320	14.0253.0757	Đo thị trường trung tâm, thị trường âm điểm	Đo thị trường trung tâm, thị trường âm điểm		31.100		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
321	14.0255.0755	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz.....)	Đo nhãn áp		31.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
322	14.30.1899	Khám Mắt	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
323	15.28.1899	Khám Tai mũi họng	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
324	16.29.1899	Khám Răng hàm mắt	Giá khám bệnh		36.500		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
325	17.0005.0231	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	3	48.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
326	17.0006.0231	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	3	48.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
327	17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm	Điều trị bằng siêu âm	3	48.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
328	17.0009.0255	Điều trị bằng sóng xung kích	Điều trị bằng sóng xung kích	3	71.200		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
329	17.0010.0236	Điều trị bằng dòng giao thoa	Điều trị bằng dòng giao thoa	3	30.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
330	17.0026.0220	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	3	50.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
331	17.0033.0266	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	3	51.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
332	17.0034.0267	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	3	59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
333	17.0037.0267	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	3	59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
334	17.0039.0267	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	3	59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
335	17.0041.0268	Tập đi với thanh song song	Tập đi với thanh song song		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
336	17.0042.0268	Tập đi với khung tập đi	Tập đi với khung tập đi		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
337	17.0043.0268	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
338	17.0044.0268	Tập đi với gậy	Tập đi với gậy		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
339	17.0047.0268	Tập lên, xuống cầu thang	Tập lên, xuống cầu thang	3	33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
340	17.0048.0268	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	3	33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
341	17.0049.0268	Tập đi với chân giả trên gối	Tập đi với chân giả trên gối	3	33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
342	17.0050.0268	Tập đi với chân giả dưới gối	Tập đi với chân giả dưới gối	3	33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
343	17.0051.0268	Tập đi với khung treo	Tập đi với khung treo		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
344	17.0052.0267	Tập vận động thụ động	Tập vận động thụ động	3	59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
345	17.0053.0267	Tập vận động có trợ giúp	Tập vận động có trợ giúp	3	59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
346	17.0056.0267	Tập vận động có kháng trở	Tập vận động có kháng trở	3	59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
347	17.0062.0267	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	3	59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
348	17.0063.0268	Tập với thang tường	Tập với thang tường		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
349	17.0065.0269	Tập với ròng rọc	Tập với ròng rọc		14.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
350	17.0068.0268	Tập thăng bằng với bản bập bênh	Tập thăng bằng với bản bập bênh	3	33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
351	17.0070.0261	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi		14.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
352	17.0073.0277	Tập các kiểu thở	Tập các kiểu thở	3	32.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
353	17.0075.0277	Tập ho có trợ giúp	Tập ho có trợ giúp	3	32.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
354	17.0078.0238	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	3	54.800		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
355	17.0085.0282	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Kỹ thuật xoa bóp vùng	3	51.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
356	17.0086.0283	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	3	64.900		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
357	17.0090.0267	Tập điều hợp vận động	Tập điều hợp vận động		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
358	17.0091.0262	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, pelvis floor)	3	318.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
359	17.0092.0268	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
360	17.0133.0242	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống		162.700		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
361	17.0141.0241	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
362	17.0142.0241	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
363	17.0143.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
364	17.0144.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả thảo khớp háng	Kỹ thuật sử dụng chân giả thảo khớp háng		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
365	17.0145.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
366	17.0146.0241	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
367	17.0147.0241	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngược- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngược- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
368	17.0148.0241	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
369	17.0149.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
370	17.0150.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
371	17.0151.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
372	17.0152.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
373	17.0153.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
374	17.0159.0243	Điều trị bằng Laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	Điều trị bằng laser công suất thấp vào điểm vận động và huyết đạo	3	52.100		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
375	17.0233.0241	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế chân, tay cho bệnh nhân sau bỏng	Kỹ thuật sử dụng nẹp chỉnh hình tư thế chân, tay cho người bệnh sau bỏng		59.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
376	17.0250.0256	Tập do cứng khớp	Tập do cứng khớp	3	56.200		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
377	17.0251.0268	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp		33.400		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Quy trình	Từ ngày
378	18.0001.0001	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
379	18.0002.0001	Siêu âm các tuyến nước bọt	Siêu âm các tuyến nước bọt		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
380	18.0003.0001	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
381	18.0004.0001	Siêu âm hạch vùng cổ	Siêu âm hạch vùng cổ		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
382	18.0011.0001	Siêu âm màng phổi	Siêu âm màng phổi	1	58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
383	18.0012.0001	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
384	18.0015.0001	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
385	18.0016.0001	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
386	18.0018.0001	Siêu âm tử cung phần phụ	Siêu âm tử cung phần phụ		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
387	18.0020.0001	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
388	18.0023.0004	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	3	252.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
389	18.0024.0004	Siêu âm Doppler động mạch thận	Siêu âm doppler động mạch thận	3	252.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
390	18.0025.0069	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	Siêu âm doppler tử cung phần phụ	3	89.300	Bảng phương pháp DEXA	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
391	18.0026.0069	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	3	89.300	Bảng phương pháp DEXA	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
392	18.0029.0004	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chi dưới	Siêu âm doppler tĩnh mạch chậu, chi dưới	3	252.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
393	18.0030.0001	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
394	18.0034.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
395	18.0035.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
396	18.0036.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối		58.600		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
397	18.0037.0004	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	Siêu âm doppler động mạch tử cung	3	252.300		399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Quy trình	Từ ngày
398	18.0043.0001	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)		58.600		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
399	18.0044.0001	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)		58.600		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
400	18.0045.0004	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	3	252.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
401	18.0046.0004	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	3	252.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
402	18.0052.0004	Siêu âm Doppler tim, van tim	Siêu âm doppler tim, van tim	3	252.300		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
403	18.0054.0001	Siêu âm tuyến vú hai bên	Siêu âm tuyến vú hai bên		58.600		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
404	18.0055.0069	Siêu âm Doppler tuyến vú	Siêu âm doppler tuyến vú	3	89.300	Bảng phương pháp DEXA	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
405	18.0057.0001	Siêu âm tĩnh hoàn hai bên	Siêu âm tĩnh hoàn hai bên		58.600		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
406	18.0058.0069	Siêu âm Doppler tĩnh hoàn, mào tĩnh hoàn hai bên	Siêu âm doppler tĩnh hoàn, mào tĩnh hoàn hai bên	3	89.300	Bảng phương pháp DEXA	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
407	18.0067.0029	Chụp X-quang sọ thẳng/ngiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/ngiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
408	18.0068.0029	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
409	18.0072.0010	Chụp X-quang Blondeau [Blondeau + Hirtz]	Chụp X-quang Blondeau [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
410	18.0072.0029	Chụp X-quang Blondeau [Blondeau + Hirtz số hóa 2 phim]	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
411	18.0074.0010	Chụp X-quang hàm chéo một bên	Chụp X-quang hàm chéo một bên [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
412	18.0086.0029	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
413	18.0087.0029	Chụp X-quang cột sống cổ chéo hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chéo hai bên [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
414	18.0089.0029	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
415	18.0090.0029	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
416	18.0091.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
417	18.0093.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Qui trình	Từ ngày
418	18.0094.0029	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gấp uốn	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gấp uốn [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
419	18.0096.0029	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
420	18.0098.0028	Chụp Xquang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]		73.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
421	18.0099.0028	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo [số hóa 1 phim]		73.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
422	18.0100.0029	Chụp Xquang khớp vai thẳng [thẳng và nghiêng]	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
423	18.0103.0029	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
424	18.0104.0029	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
425	18.0106.0029	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
426	18.0107.0029	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
427	18.0108.0029	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
428	18.0111.0029	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
429	18.0112.0029	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
430	18.0113.0029	Chụp Xquang xương bánh chẻ và khớp đùi bánh chẻ	Chụp X-quang xương bánh chẻ và khớp đùi bánh chẻ [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
431	18.0114.0029	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
432	18.0115.0029	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
433	18.0116.0029	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
434	18.0117.0028	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]		73.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
435	18.0117.0029	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
436	18.0119.0029	Chụp Xquang ngực thẳng [thẳng và nghiêng]	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
437	18.0121.0029	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HĐND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

STT	MA_DICH_V U	Tên dịch vụ kỹ thuật (TT23/2024)	Tên dịch vụ kỹ thuật cụ thể	Phân loại PTTT	Đơn giá	Ghi chú	Quyết định	Quy trình	Từ ngày
438	18.0122.0029	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
439	18.0125.0029	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [thẳng và nghiêng]	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 2 phim]		105.300	Áp dụng cho 01 vị trí	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
440	20.0073.0136	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	1	468.800		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
441	20.0080.0135	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	2	276.500		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
442	21.0018.0308	Test giãn phế quản (broncho modiator test)	Test giãn phế quản (broncho modiator test)	3	190.800		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
443	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	Định lượng Acid Uric [Máu]		22.400	Mỗi chất	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
444	23.0019.1493	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]		22.400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
445	23.0020.1493	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]		22.400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
446	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)		28.000		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
447	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	Định lượng Glucose [Máu]		22.400	Mỗi chất	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
448	23.0077.1518	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]		20.000		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
449	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]		28.000		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
450	23.0112.1506	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]		28.000		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
451	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]		28.000		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
452	23.0166.1494	Định lượng Ure máu [Máu]	Định lượng Ure máu [Máu]		22.400	Mỗi chất	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
453	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)		28.600		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
454	23.0216.1494	Định lượng Creatinin (dịch)	Định lượng Creatinin [dịch]		22.400	Mỗi chất	399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024
455	24.0119.1649	HBsAg miễn dịch tự động	HBsAg miễn dịch tự động		81.700		399/NQ-HBND	87/QĐ-PKĐK	11/12/2024

(Áp dụng theo Nghị quyết 399/NQ-HBND, ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2025.)